

My name is: \_\_\_\_\_

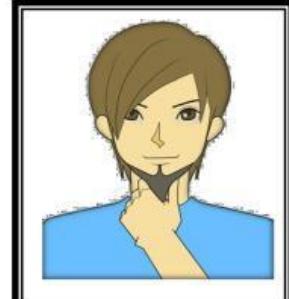
## WORKSHEET

FFs1 – Unit 10.2

Teacher's feedback

**Task 1 : Look and rearrange the correct letters. (Con nhìn và sắp xếp lại từ đúng nhé)**

a / l / d / b



b / e / a / d / r



s / t / a / r / g / h / t / / i



o / n / l / g



b / o / n / l / d / e



r / o / w / b / n



c / r / u / l / y



w / v / a / y



p / o / y / n / t / i / a / l

**Task 2: Look and choose the correct answers. (Con nhìn và chọn đáp án đúng nhé)****1**

ponytail

moustache

**2**

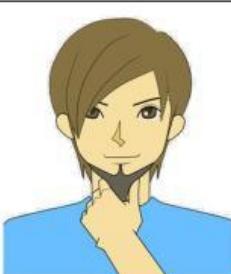
moustache

bald

**3**

beard

bald

**4**

beard

ponytail

**Task 3: Look and choose: Con nhìn và chọn nhé**

	<b>He</b>	<b>has got</b>	<b>a ponytail.</b>
	<b>She</b>	<b>have got</b>	<b>a pigtail.</b>

	<b>He</b>	<b>has got</b>	<b>a beard.</b>
	<b>She</b>	<b>have got</b>	<b>a moustache.</b>

	<b>He</b>	<b>have got</b>	<b>a beard.</b>
	<b>She</b>	<b>has got</b>	<b>a bald head.</b>

	<b>He</b>	<b>have got</b>	<b>short brown hair.</b>
	<b>She</b>	<b>has got</b>	<b>long blonde hair.</b>

	<b>He</b>	<b>has got</b>	<b>a beard.</b>
	<b>She</b>	<b>have got</b>	<b>a bald head.</b>

## Task 4: Listen and choose: Con nghe và chọn đáp án nhé

1



2



3



4



5



6



**Task 5: Rearrange the words to make the correct sentences:** **Con**  
**sắp xếp từ tạo thành câu đúng nhé.**

1. She/has got/hair./blonde/long/

---

2. got/hasn't/He/ blue/eyes.

---

3. long/ Mary /has got/hair./

---

4. black/eyes./ She/has got/

---

5. a small / Tony/ has got / nose./

---

6. I /got//short/have /hair./

---

7. My /has/long/hair./mum/got/

---

8. She / has/hair./brown/got/short/

---